

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-PT

Ngày 14-6-2024

*"V/v Tranh chấp Hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Xuân, bà Đỗ Thị Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 07/2024/TLPT-DS ngày 28/02/2024 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐPT-DS ngày 22/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-PT ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng B (*Tên gọi khác: Nguyễn Thanh B1*), sinh năm 1944; địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm I, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N: Anh Trương Mạnh H, sinh năm 1987 - Luật sư Công ty L, địa chỉ: Số A P, phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (về phía bị đơn): Bà Cấn Thị Y, sinh năm 1945, địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Chị Ma Thị T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Văn phòng C1; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Việt T2 - Trưởng Văn phòng; địa chỉ: Số nhà B, đường T, tổ B, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh N, bà Cấn Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2022 và các lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng B và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:

Ông Nguyễn Trọng B và bà Cấn Thị Y là vợ chồng, sau đó ông B, bà Y đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân. Đến ngày 24/7/2017, bà Y khởi kiện tranh chấp việc "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*", Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã thụ lý vụ án và đến ngày 06/4/2018 xét xử theo trình tự sơ thẩm. Do không nhất trí với nội dung của bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 ông B đã kháng cáo. Ngày 08/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm vụ án nói trên, tại Bản án số 05/2018/HNGĐ-PT, Tòa án tỉnh Hà Giang hủy bản án sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án thành phố H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án thành phố Hà Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Trong quá trình Tòa án thành phố H đang giải quyết việc chia tài sản chung của ông B, bà Y chưa xong, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến tháng 5/2022 và tháng 7/2022 ông B, bà Y cùng nhau ký kết 03 hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Thanh N, là con đẻ của ông bà, trong khi sổ diện tích đất tặng cho là các thửa đất đang bị tranh chấp trong vụ án "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*" chưa được giải quyết. Đồng thời do ông B và bà Y có nhiều thửa đất nên khi bà Y bảo ông ký hợp đồng tặng cho đất ông không xác định được là cho chị N thửa đất nào, lúc đó ông chỉ nhất trí cho chị N thửa đất vườn, không nhất trí cho thửa đất thổ cư. Khi đến Văn phòng C1 để ký hợp đồng ông cũng không xem nội dung của các hợp đồng mà chỉ được ký vào 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Cụ thể như sau:

1. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 16/5/2022 (*sau đây gọi là HĐ số 276*), ông B và bà Y đã ký tại Văn phòng C1 tặng cho chị N thửa đất số 29 tờ bản đồ 14, diện tích đất 277,2m², loại đất trồng cây hằng năm; địa chỉ thửa đất tổ H, phường T, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 993916 (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) do UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2011. Nay đã được cấp GCNQSDĐ số DA 400349 ngày 27/6/2022 đổi tên thửa đất số 83 (29 cũ) tờ bản đồ 14, diện tích đất 195,4m² loại đất trồng cây hằng năm; địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang mang tên chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 (*sau đây gọi là HĐ số 454*), ông B và bà Y đã ký tại Văn phòng C1 tặng cho chị N thửa đất số 30 tờ bản đồ 14, diện tích đất 333,6m², loại đất ở đô thị; địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, theo GCNQSDĐ số BC 993916 do UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2011. Nay đã được cấp GCNQSDĐ số DA 400351 ngày 27/6/2022 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh N.

3. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 832 ngày 25/7/2022 (*sau đây gọi là HĐ số 832*), ông B và bà Y đã ký tại Văn phòng C1 tặng cho chị N thửa đất số 82, 24 tờ bản đồ 14, diện tích đất 621,5m² loại đất trồng cây hằng năm. Địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, theo GCNQSDĐ số

DA 400352 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 27/6/2022 mang tên ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cán Thị Y (*chưa chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị N*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B1 thay đổi quan điểm về việc khởi kiện cụ thể: Ngày 03/11/2023, ông B1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 và số 832. Ông B1 nhất trí tặng cho chị N diện tích đất thửa đất số 29 (*nay là thửa 83*) tờ bản đồ 14, diện tích đất 195,4m², loại đất trồng cây hằng năm. Địa chỉ thửa đất tổ H, phường T, thành phố H, đất đã có GCNQSDĐ số BC 993916 do UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2011, nay đã được cấp GCNQSDĐ số DA 400349, ngày 27/6/2022 mang tên Nguyễn Thị Thanh N (*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 16/5/2022*) và thửa đất số 82, 24 tờ bản đồ 14, diện tích đất 621,5m², loại đất trồng cây hằng năm, địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, đất đã có GCNQSDĐ số DA 400352 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 27/6/2022 mang tên Nguyễn Thanh B1, Cán Thị Y, (*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 832 ngày 25/7/2022*). Ông B1 giữ nguyên phần nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 454 do vô hiệu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cán Thị Y là bố mẹ đẻ của chị, từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2022, ông B1 và bà Y đã tặng cho chị 03 thửa đất là tài sản chung của ông bà, cụ thể: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 16/5/2022, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 và Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho số 832 ngày 25/7/2022.

Quá trình làm thủ tục tặng cho các thửa đất nêu trên, ông B1, bà Y cùng chị N đi ký hợp đồng tặng cho tài sản tại Văn phòng C1 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chị đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất sang tên chị thửa đất số 83 (*29 cũ*) tờ bản đồ 14, diện tích đất 195,4m², loại đất trồng cây hằng năm (*nhận tặng cho theo Hợp đồng số 276 ngày 16/5/2022, thửa đất cũ là 29, từ GCNQSDĐ số BC 993916 do UBND thành phố H ngày 28/01/2011 mang tên hộ ông Nguyễn Trọng B, bà Cán Thị Y*) được cấp GCNQSDĐ số DA 400349 ngày 27/6/2022 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh N. Thửa đất số 30, tờ bản đồ địa chính số 14, diện tích đất 333,6m² loại đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, nhận tặng cho thửa đất số 30 từ GCNQSDĐ số BC 993916 do UBND thành phố H ngày 28/01/2011 mang tên hộ ông Nguyễn Trọng B, bà Cán Thị Y, đã được cấp GCNQSDĐ số DA 400351 ngày 27/6/2022 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh N. Thửa đất số 82, 24 tờ bản đồ 14, diện tích đất tặng cho 621,5m², loại đất trồng cây hằng năm khác đang hoàn thành thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất sở hữu tài sản gắn liền với đất, cập nhật tên chủ sở hữu mới là chị. Địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, đất đã có GCNQSDĐ số DA 400352 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 27/6/2022 mang tên ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cán Thị Y. Do có tranh chấp của ông B1 nên chưa được cấp GCNQSDĐ sang tên chị.

Việc ông B1, bà Y t cho tài sản nêu trên cho chị là hoàn toàn tự nguyện, đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị đã thực hiện xong việc

chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị đối với thửa đất số 83 theo Hợp đồng số 276 và thửa đất số 30 theo Hợp đồng số 454. Do vậy, chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B1 về việc hủy 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này. Ngày 06/01/2023, chị N gửi đơn yêu cầu phản tố với nội dung: Đối với thửa đất số 82, 24 tờ bản đồ địa chính số 14, ông B1, bà Y đã tặng cho chị theo Hợp đồng số 832 ngày 25/7/2022 là hoàn toàn tự nguyện, được ký kết đúng theo quy định của pháp luật và chị cũng đã thực hiện xong thủ tục đề nghị đăng ký biến động, đang chờ cập nhật tên chủ sở hữu mới là chị nên chị đề nghị Tòa án công nhận chị là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất đã được ông B1, bà Y tặng cho.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Cán Thị Y và người đại diện theo ủy quyền là chị Ma Thị T1 trình bày: Bà Y xác nhận 03 thửa đất bà và ông B1 đã tặng cho chị N theo các Hợp đồng 279, Hợp đồng 454 và Hợp đồng 832 nêu trên đều là tài sản chung của bà và ông B1 đang có tranh chấp trong vụ án "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*" giữa bà với ông B1 chưa giải quyết xong. Nhưng khi bà và ông B1 thực hiện việc ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất nêu trên cho chị N, cả hai ông bà đều tự nguyện, không ai bị ép buộc, việc ký kết hợp đồng được thực hiện tại phòng C2 đúng theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng được ký kết vào thời gian khác nhau, vì vậy ông B1 cho rằng ông không biết nội dung tặng cho mà ký vào các hợp đồng tặng cho chị N quyền sử dụng đất là không đúng. Sau khi các bên ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Hợp đồng số 276 ngày 15/6/2022 và Hợp đồng số 454 ngày 08/6/2022 đã hoàn thành và được đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị N theo đúng quy định của pháp luật. Khi biết việc tặng cho tài sản đang có tranh chấp trong vụ án khác chưa được giải quyết, nên vào ngày 06/9/2022 bà Y đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp 03 thửa đất trong vụ án thụ lý số 169/2018/HNGĐ-TLST về việc "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*" giữa bà và ông B1, do Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đang giải quyết. Do vậy, bà Y không nhất trí với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Hợp đồng số 276 và Hợp đồng số 454 của ông B1. Đối với Hợp đồng số 832 ngày 25/7/2022 chưa hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị N, bà đề nghị ông B1 tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho này đối với chị N.

Ông Hoàng Việt T2 - Trưởng Văn phòng C3 trình bày: Vào các ngày 16/5/2022, ngày 06/6/2022 và ngày 25/7/2022 Văn Phòng C1 tiếp nhận 03 hồ sơ đề nghị công chứng, các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cán Thị Y (*bố mẹ đẻ*) tặng cho chị Nguyễn Thị Thanh N (*con đẻ*), quyền sử dụng đất. Sau khi tiếp nhận kiểm tra xem xét thấy hồ sơ thấy đã đầy đủ, đúng quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật Công chứng, địa điểm công chứng được thực hiện tại Văn phòng C1, các bên yêu cầu ký trực tiếp tại văn phòng và ký trước mặt Công chứng viên theo Điều 44 Luật Công chứng. Những người yêu cầu công chứng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện theo quy định tại Điều 19 Bộ luật dân sự, Điều 47 Luật Công chứng, các thời điểm ký 03 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở ba thời điểm khác nhau, Văn phòng Công chứng không nhận được đơn tố cáo, khiếu kiện hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng các giao dịch liên quan đến các thửa đất được tặng cho nêu

trên, các bên tham gia ký kết hợp đồng đã cam đoan các thửa đất được phép chuyển quyền sử dụng đất, không có tranh chấp, không thế chấp, bảo lãnh, góp vốn, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; việc giao kết các hợp đồng này là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc theo Điều 4 của hợp đồng, các bên đã đọc lại hợp đồng và nghe công chứng viên tóm tắt nội dung của bản hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng. Văn phòng C1 có ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau: 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 279, 454 và 832 không vi phạm pháp luật, không có căn cứ để tuyên hủy, do vậy không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 158; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 122, 407, 408, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai; Điều 5 Luật công chứng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 (*tên gọi khác: Nguyễn Trọng B*) về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Xử: Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 được ký kết giữa bên tặng cho quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cấn Thị Y, bên nhận tặng cho quyền sử dụng đất chị Nguyễn Thị Thanh N là hợp đồng vô hiệu do vi phạm pháp luật.

3. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh N phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh Bình và bà Cấn Thị Y thửa đất số 30 tờ bản đồ số 14, diện tích đất 333,6m², loại đất ở, địa chỉ thửa đất tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vị trí thửa đất gồm các điểm do ông B1 và bà Y chỉ dẫn: Y1, Y2, Y3, Y4 khép về Y1; B11, B12, B13, B14, B15, B16, BY4 khép về B11 và ranh giới thửa số 30, tờ bản đồ số 14 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số DA 400351; tài sản có trên thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14 gồm: 01 nhà xây cấp 4 không hiên tây mái chảy, tường xây gạch chỉ 110, bở trụ lợp mái proximang, nền láng xi măng, kích thước 15,15m x 5,0m + 77,5m²; 01 nhà đang xây dựng, đã xây xong phần tường bao, móng đá hộc, tường xây gạch bê tông, xi măng, kích thước 17,8m x (3,4 + 3,5/2) = 61,4m²; bể phốt đáy đổ bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110 (*đã xây xong*) chưa có nắp, kích thước rộng 2,0 x dài 2,0 x sâu 1,8 = 7,2m³ (*Có sơ đồ chi tiết kèm theo*).

4. Ông Nguyễn Thanh B1, bà Cấn Thị Y và chị Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 279 ngày 06/5/2022 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 832 ngày 25/7/2022.

6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Thanh N về việc đề nghị công nhận hiệu lực của Hợp đồng số 832 ngày 25/7/2022.

7. Về chi phí thẩm định: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ. Do ông B1 đã nộp tạm ứng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên chị N phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông B1 số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

8. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ; trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí do rút yêu cầu phản tố là 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0000842 ngày 03/01/2023. Trả lại cho ông Nguyễn Thanh B1 án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000761 ngày 03/10/2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/01/2024, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cán Thị Y cùng có đơn kháng cáo không nhất trí một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 tại Văn phòng C1, yêu cầu chị N phải trả lại cho ông B1 và bà Cán Thị Y thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 vô hiệu. Bị đơn - chị Nguyễn Thị Thanh N bổ sung nội dung kháng cáo, không nhất trí về phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, yêu cầu ông B1 phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật; bà Cán Thị Y - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài ra, chị N và bà Y không có ý kiến đề nghị gì khác.

Ý kiến của anh Trương Mạnh H - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh H trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc điều tra, xác minh thu thập chứng cứ và giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST, ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang. Nếu những vi phạm tố tụng không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B.

Ý kiến của chị Ma Thị T1 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Chị T1 trình bày, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Cán Thị Y và chị Nguyễn Thị Thanh N, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 giữa ông B, bà Y và bà N thể hiện, Hợp đồng được xác lập đối với thửa đất số 30; tờ bản đồ số 14; địa chỉ tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; diện tích 333,6m² đất ở, tại Văn phòng C1. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số BC993916 do UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/1/2011 mang tên Nguyễn Thanh B1 và Cấn Thị Y. Giữa các bên ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung hợp đồng phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo các điều kiện và hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu hủy hợp đồng của ông B1 là không có cơ sở, do đó không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST ngày 18/1/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang nhận định thửa đất trên đang có tranh chấp, theo quy định tại khoản 1, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, nên không đủ điều kiện tặng cho là không có cơ sở. Bởi lẽ, thửa đất trên là tranh chấp tài sản chung giữa bà Cấn Thị Y và ông Nguyễn Thanh B1, nhưng cả ông B1 và bà Y đều thống nhất tặng cho chị N thể hiện ý chí các bên đối với tranh chấp thửa đất trên đã được triệt tiêu bằng việc tặng cho này, nên Hợp đồng số 454 ngày 08/6/2022 phù hợp các quy định của pháp luật dân sự về việc ông B1, bà Y t cho chị N quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST ngày 18/1/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông B1 về việc buộc chị N phải trả lại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14; địa chỉ tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; diện tích 333,6m².

- Về chi phí tố tụng và án phí: Ông B1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; chị Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các nội dung khác trong Bản án sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST ngày 18/1/2024 của TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn, chị Nguyễn Thị Thanh N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bà Cấn Thị Y thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo

đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập bà Nguyễn Thị Thanh T3 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, ngày 03/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang nhận được "*Đơn đề nghị*" của bà Cấn Thị Y, nội dung đơn, bà Y đề nghị Tòa án hủy tư cách đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, của bà Nguyễn Thị Thanh T3. Bà Y trình bày, năm 2021 bà Y và ông B1 giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn, bà Y ủy quyền cho bà T3 tham gia tố tụng, nên bà Y đã cung cấp toàn bộ thông tin liên quan đến tài sản giữa bà và ông B1 để bà T3 nghiên cứu. Tuy nhiên, đến ngày 05/3/2022, sau khi trao đổi với bà, bà T3 đã chấm dứt hợp đồng ủy quyền với bà để nhận ủy quyền của ông B1, tham gia vụ án tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản này, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, vì bà và ông B1 có quyền lợi đối lập nhau trong cùng vụ án dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án "*Chia tài sản sau khi ly hôn*" và "*Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản*" giữa bà Cấn Thị Y và ông Nguyễn Thanh B1, là hai quan hệ pháp luật dân sự khác nhau, tư cách tham gia tố tụng và thời điểm giải quyết khác nhau, nên việc bà T3 đã từng nhận ủy quyền của bà Y trong vụ án "*Chia tài sản sau khi ly hôn*", sau này bà T3 lại nhận ủy quyền của ông B1 tham gia giải quyết vụ án "*Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản*" không vi phạm các quy định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự về "*Những trường hợp không được làm người đại diện*", nên yêu cầu của bà Y không được xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T3 vắng mặt, ông B1 có mặt và đề nghị bằng văn bản, ông sẽ trực tiếp tham gia tố tụng, không ủy quyền cho bà T3 tham gia tố tụng nữa. Xét thấy, đề nghị của ông B1 hoàn toàn tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh B1 đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh B1, bà Cấn Thị Y (*bên tặng cho tài sản*) và chị Nguyễn Thị Thanh N (*bên nhận tặng cho tài sản*), được lập ngày 08/6/2022, tại Văn phòng C4, do vi phạm pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N (*bị đơn*) và bà Cấn Thị Y (*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn*), Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước hết, về hình thức Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 502 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai, Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[5]. Về nội dung của hợp đồng: Theo nội dung Hợp đồng tặng cho tài sản số 454, ngày 08/6/2022, ông Nguyễn Thanh B1 (*bố đẻ*) và bà Cấn Thị Y (*mẹ đẻ*),

tặng cho con gái là chị Nguyễn Thị Thanh N diện tích 333,6m² đất ở, tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất thuộc tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Diện tích đất này đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cấn Thị Y; ông B1, bà Y đã được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ số BC 993916 ngày 28/01/2011. Khi tham gia ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, các bên đều đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc ép buộc. Tại bút lục số 60 thể hiện ông Nguyễn Thanh B1 là người trực tiếp yêu cầu công chứng; khi yêu cầu công chứng, người tặng cho tài sản phải cung cấp cho Công chứng viên các giấy tờ tài liệu gồm: Căn cước công dân; GCNQSDĐ; Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy khai sinh của người được tặng cho tài sản, chứng minh về quan hệ huyết thống với người tặng cho tài sản. Mặt khác, tại Điều 4 của Hợp đồng 454 thể hiện, bên tặng cho và bên nhận tặng cho tài sản phải cam đoan *"thửa đất không có tranh chấp; không thế chấp; không bảo lãnh; không góp vốn; quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; quyền sử dụng đất không bị giới hạn bởi bên thứ ba. Nếu có gì man trá trong việc chuyển quyền sử dụng đất tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc"*. Các bên tham gia ký kết hợp đồng tặng cho tài sản ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng, vì vậy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 giữa ông Nguyễn Thanh B1, bà Cấn Thị Y (*bên tặng cho tài sản*) và chị Nguyễn Thị Thanh N (*bên nhận tặng cho tài sản*) là hợp pháp. Ngày 27/6/2022, chị Nguyễn Thị Thanh N đã được Sở T cấp GCNQSDĐ số DA 400351, đối với thửa đất số 30 nói trên, theo đó nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N và bà Cấn Thị Y là có căn cứ.

[6]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, ông B1 đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 454 được ký kết giữa ông B1, bà Y và chị N, do vi phạm pháp luật. Ông B1 cho rằng, khi ký hợp đồng tặng cho chị N quyền sử dụng đất, tại Văn phòng C1, ông chỉ đồng ý cho chị N 02 thửa đất vườn. Bản thân ông không được đọc hợp đồng, cũng không được nghe Công chứng viên tóm tắt lại nội dung hợp đồng nên không biết thửa đất số 30 ông ký tặng cho chị N nằm ở vị trí nào, do ông không hiểu biết pháp luật nên ông mới cùng bà Y ký hợp đồng số 454 để tặng cho chị N thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14 nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông B1 không có căn cứ. Bởi lẽ, như đã nhận định tại đoạn [4], đoạn [5], ông B1 là người có đủ năng lực hành vi dân sự, ông B1 xác nhận ông được ký tên dưới mục *"Người yêu cầu công chứng"* trong *"Phiếu yêu cầu công chứng"*, đồng thời được ký tên vào từng trang và lấn tay điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng 454, hơn ai hết ông B1 phải biết rất rõ về những nội dung ghi trong hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Mặt khác, ông B1 cho rằng ông chỉ có ý định cùng bà Y t cho chị N 02 thửa đất vườn, nhưng trên thực tế trong các ngày 16/5; 08/6 và 25/7/2022 là 03 thời điểm khác nhau ông B1 đã cùng bà Y thực hiện 03 Hợp đồng tặng cho chị Nguyễn Thị Thanh N quyền sử dụng đất. Trong đó, lần 1 ngày 16/5/2022, ông B1, bà Y làm hợp đồng tặng cho chị N 277,2m² đất trồng cây hàng năm, tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 14 (*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276*). Lần thứ 2, vào

ngày 08/6/2022, ông B1, bà Y tặng cho chị N đôi với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14, loại đất ở, có diện tích 333,6m², chính là diện tích đất ông B1 đang khởi kiện hiện nay (*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454*). Tiếp đó, đến ngày 25/7/2022, ông B1, bà Y lại tiếp tục tặng cho chị N 621,5m² đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82, 24 (*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 832*). Mặc dù, trước khi xét xử sơ thẩm, ông B1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 267 và Hợp đồng số 832, nhưng điều đó cho thấy lời trình bày của ông B1 về việc ông chỉ đồng ý cho chị N 02 thửa đất trồng cây hàng năm và khi tặng cho ông có sự nhầm lẫn giữa thửa đất ở và đất trồng cây hàng năm là không có căn cứ.

[7]. Đối với quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, "*Tại thời điểm ông B1, bà Y thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 30 tờ bản đồ số 14, diện tích đất 333,6m² là tài sản ông B1, bà Y đang tranh chấp trong vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2018 chưa được giải quyết*", nên việc tặng cho thửa đất nêu trên của ông B1, bà Y vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1, tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 vi phạm pháp luật nên vô hiệu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa chính xác, chưa phản ánh đúng bản chất sự việc. Bởi lẽ, điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai quy định "*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền, chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây:*

a)....;

b) Đất không có tranh chấp;

.....",

Mục đích, ý nghĩa của điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên thứ ba. Theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự thì sở hữu chung vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án. Do đó, nếu trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp "*Chia tài sản sau khi ly hôn*" giữa bà Y với ông B1, xuất hiện bên thứ 3 cho rằng, họ có quyền lợi liên quan đến thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14 bà Y, ông B1 đang tranh chấp tại Tòa án, trong khi vụ án chưa được Tòa án có thẩm quyền giải quyết thì bà Y, ông B1 không được tự ý tặng cho tài sản, nếu không được sự đồng ý của bên thứ ba, theo quy định tại Điều 60, Điều 27, Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong vụ án này, cần khẳng định rằng, thửa đất số 30 tờ bản đồ số 14 là tài sản chung của ông B1, bà Y được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, được chứng minh bởi GCNQSDĐ số BC 993916, do UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/01/2011 cho ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cần Thị Y. Quá trình giải quyết vụ án "*Chia tài sản sau khi ly hôn*" giữa bà Cần Thị Y (*nguyên đơn*) và ông Nguyễn Thanh B1 (*bị đơn*), xuyên suốt từ khi vụ án được thụ lý lần thứ nhất vào ngày 06/9/2017, đến khi được thụ lý lần thứ 2 vào ngày 28/8/2018, thì thửa đất số 30 này bà Y và ông B1 không có tranh chấp với bên thứ ba; không thuộc đối tượng bị kê biên để đảm bảo thi hành án và trong

thời hạn sử dụng đất, do đó ông B1 và bà Y là người có quyền tự định đoạt đối với tài sản của mình. Việc ông B1, bà Y thực hiện Hợp đồng số 454, ngày 08/6/2022 để tặng cho chị N quyền sử dụng đất, đã chứng minh ông B1, bà Y tự nguyện thỏa thuận và không còn tranh chấp đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về *"Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự"*, cụ thể khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội"*. Như vậy, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14, sau 02 lần biến động còn 333,6m² đất ở (căn cứ theo số liệu ghi trong GCNQSDĐ số BC 993916, do UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/01/2011 cho ông Nguyễn Thanh B1 và bà Cấn Thị Y và GCNQSDĐ số DA 400351, do Sở T cấp đối với thửa đất số 30 ngày 27/6/2022, cho chị Nguyễn Thị Thanh N), một lần nữa khẳng định vụ án *"Chia tài sản sau khi ly hôn"* từ khi thụ lý đến ngày ông B1, bà Y t cho chị N quyền sử dụng đất, không có ai tranh chấp thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14 với bà Y, ông B1. Do đó, việc ông B1, bà Y không thực hiện rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc chia tài sản sau khi ly hôn đối với thửa đất 30 tờ bản đồ số 14, diện tích đất 333,6m² đất ở tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, trong vụ án *"Chia tài sản sau khi ly hôn"* trước khi thực hiện Hợp đồng số 454 ngày 08/6/2022 tặng cho chị N quyền sử dụng đất, không phải là thủ tục bắt buộc; không vi phạm pháp luật; không trái với đạo đức xã hội và đặc biệt không phải căn cứ cho rằng tài sản ông B1, bà Y đang còn tranh chấp để viện dẫn và áp dụng khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai giải quyết vụ án này.

[8]. Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 không có cơ sở pháp lý; nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N (*bị đơn*) và bà Cấn Thị Y (*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn*) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Đối với quan điểm của anh Trương Mạnh H - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST, ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang không có căn cứ. Vì mặc dù việc xác minh thu thập chứng cứ đối với phần tài sản là công trình xây dựng trên diện tích đất đang tranh chấp còn chưa đầy đủ, tuy nhiên do các đương sự không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nên thiếu sót đó không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

[11]. Đối với quan điểm của anh Trương Mạnh H, anh Nguyễn Thanh T4 (*người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*); chị Ma Thị T1 (*người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*) về việc chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N, bà Cấn Thị Y; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[12]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết sơ thẩm, ngoài số tiền 4.000.000đ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Thanh B1 đã nộp, tại Hợp đồng đo đạc số 06/HĐ-DD, (*bút lục số 157, 158*) thể hiện ngày 24/4/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T3, người được ông B1 ủy quyền đã nộp thay ông B1 số tiền 10.293.101đ, để thực hiện việc đo đạc. Tuy nhiên, trong phần nhận định và phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến số tiền 10.293.101đ đương sự nào phải chịu chi phí là thiếu sót. Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh N và bà Cấn Thị Y được chấp nhận, nên ông Nguyễn Thanh B1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[13]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của chị N và bà Y được chấp nhận, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyễn Thị Thanh N (*bị đơn*) và bà Cấn Thị Y (*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*), sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSTC-ST ngày 18/01/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự; Điều 5 Luật công chứng; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B1 (*tên gọi khác: Nguyễn Trọng B*) về việc yêu cầu Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 454 ngày 08/6/2022 giữa ông Nguyễn Thanh B1, bà Cấn Thị Y (*bên tặng cho*) và chị Nguyễn Thị Thanh N (*bên được tặng cho*) là hợp đồng vô hiệu do vi phạm pháp luật; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1 về việc buộc chị N phải trả lại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 14; địa chỉ tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Thanh B1 phải chịu chi phí đo đạc là 10.293.101đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ, tổng số tiền ông B1 phải chịu là 14.293.101đ (*đã thực hiện xong*).

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B1 đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000764 ngày 03/10/2022.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh N, bà Cán Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

- Chị Nguyễn Thị Thanh N được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 000315, ngày 02/02/2024 và số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0000842 ngày 03/01/2023, do rút yêu cầu phản tố.

- Bà Cán Thị Y được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0000316, ngày 02/02/2024.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND thành phố Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS thành phố Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà